| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN KS**<br>**TỈNH KHÁNH HÒA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

*Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST*
*Ngày 17/9/2024, về việc*
*"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và nợ chung"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KS, TỈNH KHÁNH HÒA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Ông **Trương Văn Vương**

***Các Hội thẩm nhân dân :***

1. Ông **Nguyễn Tất Hướng**
2. Bà **Trần Thị Ngọc Duyên**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Bùi Thị Mỹ Hạnh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Bà **Dương Thị Cảnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024, về việc*: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, và nợ chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị **Cao Thị Ng**, sinh năm: 1992
Địa chỉ: Thôn CL, xã SB, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa.
(có mặt)

*Bị đơn:* Anh **Cao T**, Sinh năm: 1985
Địa chỉ: Thôn CL, xã SB, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa.
(vắng mặt)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Ngân hàng csxh.**

Trụ sở: 169 phố LĐ, phường HL, quận HM, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ phòng giao dịch: Số 08 đường Hoàng Văn T, thị trấn TH, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Thành H**

Chức vụ: Phó giám đốc phụ trách Phòng giao dịch huyện KS

(Theo Quyết định số 7300/QĐ-NHCS, ngày 19/9/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng csxh; Quyết định giao nhiệm vụ đối với cán bộ số 82/QĐ-NHCSXH ngày 29/01/2024 của Giám đốc NHCSXH – Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa).

(có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện về yêu cầu ly hôn ngày 23/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà chị Cao Thị Ng trình bày:***

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Ng và anh Cao T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008, nhưng đến măm 2010 mới đăng ký kết hôn và được UBND xã SB, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04/2020, quyển số 02/2007 ngày 19/01/2010 (giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc).

*Quá trình chung sống*: Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, anh T thường xuyên uống rượu say xỉn, chửi mắng vợ con, không chăm lo làm ăn. Nay chị Ng nhận thấy tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, nên chị Ng yêu cầu Tòa án cho chị Ng được ly hôn với anh Cao T.

*Về con chung*: Tôi và anh Cao T có 02 (hai) con chung là các cháu: Cao Thị Kim T1 – sinh ngày 23/12/2009 và cháu Cao Thị Kim Ng1 – sinh ngày 29/3/2015. Khi ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là các cháu Cao Thị Kim T1 và cháu Cao Thị Kim Ng1.

Về cấp dưỡng: Chị Ng không yêu cầu anh Cao T cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung*: Tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:*

Vợ chồng chúng chị Ng và anh T có nợ Ngân hàng csxh tính đến ngày 17/9/2024 số tiền là 67.115.639 đồng, trong đó: Tiền gốc là 67.000.000 đồng, tiền lãi là 115.639 đồng. Khi ly hôn, chị Ng có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ trên cho ngân hàng csxh.

*Bị đơn:* Anh Cao T đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Cao T vắng mặt.

***Tại công văn số 204/HNCSKS ngày 17/9/2024 của Phòng giao dịch Ngân hàng csxh huyện KS ý kiến như sau:***

Ngày 22/02/2021, Ngân hàng csxh có cho vợ chồng chị Ng và anh T vay vốn theo chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 09%/năm, lãi suất quá hạn 11,7%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 10/02/2026, vợ chồng chị Ng, anh T đã trả 3.000.000đ tiền gốc và tiền lãi là 15.519.944 đồng; tính đến ngày 17/09/2024, chị Cao Thị Ng và anh Cao T còn nợ số tiền 47.081.124 đồng; trong đó: tiền gốc 47.000.000 đồng, tiền lãi: 81.124 đồng.

Ngày 13/04/2022, Ngân hàng csxh có cho vợ chồng chị Ng và anh T vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 09%/năm, lãi suất quá hạn 11,7%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 10/04/2027; chị Ng, anh T đã trả tiền lãi là 4.344.664 đồng; tính đến ngày 17/9/2024, chị Ng và anh T còn nợ số tiền 20.034.515 đồng; trong đó: tiền gốc 20.000.000đ, tiền lãi: 34.515 đồng.

Nay Ngân hàng csxh yêu cầu chị Cao Thị Ng có nghĩa vụ phải trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng csxh tính đến ngày 17/9/2024 số tiền: 67.115.639 đồng, trong đó: Tiền gốc 67.000.000 đồng, tiền lãi 115.639 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 18/9/2024 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng vay vốn cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 6600000719653308, ngày 22/02/2021 và hợp đồng tín dụng số 6600000722629653, ngày 13/4/2022 .

*Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa:*

Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn đã vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con, ghi nhận sự tự nguyện của chị Ng về không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng csxh:

Chị Cao Thị Ng có nghĩa vụ phải trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng csxh tính đến ngày 17/9/2024 số tiền: 67.115.639; trong đó: Tiền gốc 67.000.000 đồng, tiền lãi 115.639 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 18/9/2024 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng vay vốn cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 6600000719653308, ngày 22/02/2021 và hợp đồng tín dụng số 6600000722629653, ngày 13/4/2022.

- Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

1.1 Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn Cao Thị Ng cung cấp:
- Trích lục kết hôn (bản sao);
- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao);
- Căn cước công dân của Cao Thị Ng (bản photo);
- Trích lục khai sinh của Cao Thị Ng, Cao T, Cao Thị Kim T1 (bản sao);
- Giấy khai sinh của cháu Cao Thị Kim Ng1 (bản sao);
- Sổ vay vốn có tên người vay Cao T (Bản chính).

1.2 Tài liệu, chứng cứ do bị đơn Cao T cung cấp: Không.

1.3. Tài liệu chứng cứ do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân

hàng csxh cung cấp:

- Hợp đồng tín dụng số 6600000719653308, ngày 22/02/2021 và hợp đồng số 6600000722629653, ngày 13/4/2022 (Bản photo)

- Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm ngày 25/02/2023 (Bản photo)

- Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 17/02/2021 và ngày 4/4/2022 (Bản sao)

- Sổ lưu tờ rơi theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ (Bản sao)

- Giấy ủy quyền ngày 17/02/2021 (Bản sao)

- Sổ vay vốn của Cao T (Bản sao)

- Biên bản thỏa thuận và cam kết của hộ vay với PGD NHCSXH huyện KS ngày 21/5/2024 (Bản chính)

- Công văn số 101/NHCSKS ngày 21/5/2024 về việc ly hôn giữa bà Cao Thị Ng và ông Cao T.

- Công văn số 155/NHCSKS ngày 29/7/2024 về việc ly hôn giữa bà Cao Thị Ng và ông Cao T.

- Quyết định giao nhiệm vụ đối với cán bộ số 82/QĐ-NHCSXH ngày 29/01/2024 của Giám đốc NHCSXH – Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa (Bản photo)

*Tòa án thu thập chứng cứ:* Ngày 12/7/2024, Tòa án tiến hành xác minh về tình trạng Hôn nhân gia đình giữa vợ chồng chị Ng và anh T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Cao Thị Ng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa giải quyết về ly hôn đối với anh Cao T nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Cao T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà nhưng anh Cao T vắng mặt. Xét thấy bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. *Về nội dung vụ án*: Chị Cao Thị Ng và anh Cao T tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau năm 2008 nhưng đến măm 2010 mới đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã SB, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04/2020, quyển số 02/2007 ngày 19/01/2010 (giấy chứng nhận kết hôn của chị Ng, anh T đã bị thất lạc), nên đây là hôn nhân hợp pháp.

*Quá trình chung sống:* Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh T thường xuyên uống rượu say xỉn, chửi mắng vợ con, không

chăm lo làm ăn. Nay chị Ng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Ng yêu cầu Tòa án cho chị Ng được ly hôn với anh Cao T.

*Xét thấy*: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Ng yêu cầu Toà án giải quyết cho chị Ng được ly hôn là hoàn toàn có cơ sở và cần được chấp nhận. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ng.

*Về con chung*: Chị Cao Thị Ng và anh Cao T có 02 con chung là cháu Cao Thị Kim T1 – sinh ngày 23/12/2009 và Cao Thị Kim Ng1 – sinh ngày 29/3/2015.

Khi ly hôn, chị Nga yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Cao Thị Kim T1 và Cao Thị Kim Ng1.

*Xét thấy:* Việc giao con chưa thành niên cho người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, nhằm để con phát triển tốt về thể chất và tinh thần, hiện nay các cháu Cao Thị Kim T1 và Cao Thị Kim Ng1 đang sống ổn định với chị Ng1, các cháu đã trên 10 tuổi và có nguyện vọng ở với mẹ nên cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Do đó, để đảm bảo cho các cháu được phát triển toàn diện về tâm sinh lý và lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên được đầy đủ nên căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị Ng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Ng về không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[3]. *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xét.

` [4]. *Các khoản nợ chung*:

Ngày 22/02/2021, Ngân hàng csxh có cho vợ chồng chị Ng và anh T vay vốn theo chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 09%/năm, lãi suất quá hạn 11,7%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 10/02/2026, vợ chồng chị Ng, anh T đã trả 3.000.000đ tiền gốc và tiền lãi là 15.519.944 đồng; tính đến ngày 17/99/2024, chị Cao Thị Ng và anh Cao T còn nợ số tiền 47.081.124 đồng; trong đó: tiền gốc 47.000.000 đồng, tiền lãi: 81.124 đồng.

Ngày 13/04/2022, Ngân hàng csxh có cho vợ chồng chị Ng và anh T vay theo chương trình nước sạch, và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 09%/năm, lãi suất quá hạn 11,7%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 10/04/2027; chị Ng, anh T đã trả tiền lãi là 4.344.664 đồng; tính đến ngày 17/9/2024, chị Nga và anh Thông còn nợ số tiền 20.034.515 đồng; trong đó: tiền gốc 20.000.000đ, tiền lãi: 34.515 đồng.

Ngân hàng csxh yêu cầu chị Cao Thị Ng có nghĩa vụ phải trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng csxh tính đến ngày 17/9/2024 số tiền: 67.115.639 đồng, trong đó: Tiền gốc 67.000.000 đồng, tiền lãi 115.639 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 18/9/2024 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng vay vốn cho đến

khi thanh toán xong nợ gốc theo hợp đồng Hợp đồng tín dụng số 6600000719653308, ngày 22/02/2021 và hợp đồng số 6600000722629653, ngày 13/4/2022.

*Xét thấy:* Ngân hàng csxh yêu cầu chị Cao Thị Ng có nghĩa vụ phải trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng csxh theo biên bản thoả thuận và cam kết của hộ vay ngày 17/7/2024 tại Uỷ ban nhân dân xã SB, huyện KS tính đến ngày 17/9/2024 số tiền: 67.115.639 đồng; trong đó: Tiền gốc 67.000.000 đồng, tiền lãi 115.639 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 18/9/2024 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng vay vốn cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 6600000719653308, ngày 22/02/2021 và hợp đồng tín dụng số 6600000722629653, ngày 13/4/2022, chị Ng hoàn toàn đồng ý, phù hợp với các Điều 27, Điều 37, Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên ghi nhận sự thoả thuận của Ngân hàng và chị Ng.

[5] *Về án phí:* Chị Cao Thị Ng là người đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống tại thôn CL, xã SB, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa là nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí dân sự sơ thẩm về "ly hôn*"* và án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ cho chị Ng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 60, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.*

*Căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Cao Thị Ng được ly hôn anh Cao T.

[2]. *Về con chung*: Chị Cao Thị Ng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Cao Thị Kim T1 - sinh ngày 23/12/2009 và Cao Thị Kim Ng1 - sinh ngày 29/3/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Cao Thị Ng về không yêu cầu anh Cao T cấp dưỡng nuôi con.

Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[3]. *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xét.

[4]. *Về nợ chung:* Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng csxh:

Chị Cao Thị Ng có nghĩa vụ phải trả nợ cho Ngân hàng csxh theo hợp đồng tín dụng số 6600000719653308, ngày 22/02/2021, tính đến ngày 17/9/2024 số tiền: 47.081.124 đồng; trong đó: tiền gốc 47.000.000 đồng, tiền lãi: 81.124 đồng và hợp đồng tín dụng số 6600000722629653, ngày 13/4/2022, tính đến ngày 17/9/2024 số tiền: 20.034.515 đồng; trong đó: tiền gốc 20.000.000đ, tiền lãi: 34.515 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 18/9/2024 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng vay vốn cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

[4]. *Về án phí*: Miễn án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ cho chị Cao Thị Ng.

[4]. *Quy định:* Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5]. *Quyền kháng cáo:* Chị Cao Thị Ng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Cao T, Ngân hàng csxh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh Khánh Hòa;*
- *VKSND tỉnh Khánh Hòa;*
- *VKSND huyện KS;*
- *THADS huyện KS;*
- *UBND xã SB, huyện KS;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, án văn.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Văn Vương**